



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2022



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**  
**Đăng ký Doanh nghiệp số** 2600393941 ngày 30 tháng 5 năm 2007

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2600393941 ngày 30 tháng 6 năm 2021. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Hoàng Giang	Chủ tịch
Ông Võ Sỹ Dờng	Thành viên
Bà Nguyễn Thu Hương	Thành viên
Ông Bùi Văn Thiêng	Thành viên
Ông Lê Hoài Thanh	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Tiến Thọ	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên
Bà Nguyễn Hồ Bảo Ngọc	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Bùi Văn Thiêng	Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Trường	Phó Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

Khu Công nghiệp Trung Hà  
Xã Dân Quyền, Huyện Tam Nông  
Tỉnh Phú Thọ  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 30 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Tỉnh Phú Thọ, ngày 12 tháng 8 năm 2022



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 30.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bida Sài Gòn - Phú Thọ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 22-01-00358-22-1



Nelson Rodriguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hà  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2236-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2022



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2022**

Mẫu B 01a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>149.098.259.436</b>	<b>167.475.277.642</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>53.148.978.554</b>	<b>76.683.583.405</b>
Tiền	111		11.426.904.869	4.837.191.957
Các khoản tương đương tiền	112		41.722.073.685	71.846.391.448
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>25.494.513.695</b>	<b>19.321.626.812</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	11.168.529.306	6.037.635.812
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	13.872.692.568	12.736.043.788
Phải thu ngắn hạn khác	136		453.291.821	547.947.212
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>70.277.411.112</b>	<b>70.005.087.482</b>
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>177.356.075</b>	<b>1.464.979.943</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		115.110.740	1.464.979.943
Thuế phải thu Nhà nước	153		62.245.335	-
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 240 + 260)	<b>200</b>		<b>161.716.013.819</b>	<b>164.446.651.495</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>148.623.249.999</b>	<b>153.002.318.040</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	148.623.249.999	153.002.318.040
<i>Nguyên giá</i>	222		544.871.655.209	527.616.057.013
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(396.248.405.210)	(374.613.738.973)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>1.152.967.002</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242		-	1.152.967.002
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>13.092.763.820</b>	<b>10.291.366.453</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	13.092.763.820	10.291.366.453
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>310.814.273.255</b>	<b>331.921.929.137</b>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a - DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>109.824.642.578</b>	<b>108.299.958.441</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>103.039.642.578</b>	<b>105.158.114.717</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	11.589.129.437	7.680.816.809
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		68.228.237	66.352.917
Thuế phải nộp Nhà nước	313	13	40.369.680.690	62.615.439.219
Phải trả người lao động	314		2.389.038.653	3.427.415.012
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.172.529.753	5.145.774.115
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	21.925.933.824	15.920.286.064
Vay ngắn hạn	320	15(a)	19.553.588.090	7.490.434.790
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	16	3.971.513.894	2.811.595.791
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.785.000.000</b>	<b>3.141.843.724</b>
Vay dài hạn	338	15(b)	6.785.000.000	3.141.843.724
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>200.989.630.677</b>	<b>223.621.970.696</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>200.989.630.677</b>	<b>223.621.970.696</b>
Vốn cổ phần	411	18	125.000.000.000	125.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		125.000.000.000	125.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	20	23.517.055.477	23.517.055.477
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		52.472.575.200	75.104.915.219
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		52.270.285.286	56.641.921.878
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		202.289.914	18.462.993.341
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>310.814.273.255</b>	<b>331.921.929.137</b>

Ngày 12 tháng 8 năm 2022

Người lập:

Trần Bích Thủy  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

Bùi Văn Thiêng  
 Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022**

**Mẫu B 02a - DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>01</b>	<b>22</b>	<b>154.371.755.206</b>	<b>177.413.382.909</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>23</b>	<b>146.889.234.420</b>	<b>160.812.840.728</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>7.482.520.786</b>	<b>16.600.542.181</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21		463.019.944	410.057.950
Chi phí tài chính			703.140.182	769.795.452
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		703.140.182	769.795.452
Chi phí bán hàng	25		464.725.522	680.933.283
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	6.516.996.007	6.011.821.433
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>260.679.019</b>	<b>9.548.049.963</b>
Thu nhập khác	31		(22.690.885)	226.838.067
Chi phí khác	32		-	103.439.525
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(22.690.885)</b>	<b>123.398.542</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>237.988.134</b>	<b>9.671.448.505</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>26</b>	<b>35.698.220</b>	<b>1.450.717.275</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>26</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>202.289.914</b>	<b>8.220.731.230</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				<b>(Điều chỉnh lại)</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	16	502

Ngày 12 tháng 8 năm 2022

Người lập:

Trần Bích Thủy  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Bùi Văn Thiêng  
Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>237.988.134</b>	<b>9.671.448.505</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao	02		21.634.666.237	21.144.253.168
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(463.019.944)	(410.057.950)
Chi phí lãi vay	06		703.140.182	769.795.452
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>22.112.774.609</b>	<b>31.175.439.175</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(12.116.702.550)	(6.077.796.794)
Biến động hàng tồn kho	10		(272.323.630)	6.151.099.558
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(9.619.495.088)	10.908.159.637
Biến động chi phí trả trước	12		(1.451.528.164)	(3.102.618.237)
			<b>(1.347.274.823)</b>	<b>39.054.283.339</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(713.200.984)	(888.624.835)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(724.896.191)	(219.168.691)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.740.081.897)	(2.141.078.714)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(5.525.453.895)</b>	<b>35.805.411.099</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(10.462.064.008)	(5.820.827.944)
Tiền thu lãi tiền gửi	27		608.313.476	542.691.589
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(9.853.750.532)</b>	<b>(5.278.136.355)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2022 VND	30/6/2021 VND

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Tiền thu từ đi vay	33	133.228.309.576	92.708.535.846
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(117.522.000.000)	(182.801.370.538)
Tiền chi trả cổ tức	36	(23.861.710.000)	(17.798.945.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(8.155.400.424)</b>	<b>(107.891.780.192)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(23.534.604.851)</b>	<b>(77.364.505.448)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>76.683.583.405</b>	<b>133.066.762.733</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>53.148.978.554</b>	<b>55.702.257.285</b>

Ngày 12 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Trần Bích Thủy  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Văn Thiêng  
Giám đốc

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 10 tháng 8 năm 2016, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã giao dịch là BSP.

### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; xuất, nhập khẩu bia, rượu, nước giải khát và các loại hương liệu, nước cốt để sản xuất bia, rượu và nước giải khát.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có 117 nhân viên (1/1/2022: 115 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Các chính sách kế toán đã được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này phù hợp với các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(e) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                          |             |
|--------------------------|-------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 12 – 48 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị    | 3 – 12 năm  |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5 – 12 năm  |
| ▪ thiết bị quản lý       | 3 – 10 năm  |

**(f) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(g) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Bao bì luân chuyển**

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(h) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(i) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(j) Vốn cổ phần**

**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(k) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(l) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(m) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê hoạt động nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời hạn thuê.

**(n) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(o) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(p) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

**(q) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

**(r) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước.

**4. Tính thời vụ của hoạt động**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại bia. Các hoạt động khác là cung cấp dịch vụ kho bãi. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng lĩnh vực hoạt động này không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi tính thời vụ.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**5. Báo cáo bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cung cấp dịch vụ kho bãi. Trong kỳ, không diễn ra hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2021 đều liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

**6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền mặt	1.258.121.308	883.945.853
Tiền gửi ngân hàng	10.168.783.561	3.953.246.104
Các khoản tương đương tiền (*)	41.722.073.685	71.846.391.448
	53.148.978.554	76.683.583.405

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng. Các khoản tương đương tiền được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 3.70% đến 3.85% một năm (1/1/2022: 3.00% một năm).

**7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>Các bên liên quan</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	11.124.018.246	4.992.206.317
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	-	999.900.745
<b>Bên thứ ba</b>		
Các khách hàng khác	44.511.060	45.528.750
	11.168.529.306	6.037.635.812

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

**Trả trước cho người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	<b>30/6/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Đại Nam	7.168.791.000	6.642.835.200
Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Toàn Diện	2.750.808.500	2.893.940.500
Các nhà cung cấp khác	3.953.093.068	3.199.268.088
	13.872.692.568	12.736.043.788

Trả trước cho người bán ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 bao gồm 5.662 triệu VND là khoản trả trước cho người bán để mua tài sản cố định (1/1/2022: 11.399 triệu VND).

**9. Hàng tồn kho**

	<b>30/6/2022</b>		<b>1/1/2022</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên vật liệu	34.172.575.664	-	21.613.918.101	-
Công cụ và dụng cụ	16.044.378.877	-	19.207.162.156	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.135.054.311	-	11.315.712.277	-
Thành phẩm	10.925.402.260	-	17.868.294.948	-
	70.277.411.112	-	70.005.087.482	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## 10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	128.171.785.807	387.848.754.040	7.946.335.259	3.649.181.907	527.616.057.013
Tăng trong kỳ	754.772.941	14.987.207.020	-	360.651.233	16.102.631.194
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	1.152.967.002	-	-	1.152.967.002
Số dư cuối kỳ	128.926.558.748	403.988.928.062	7.946.335.259	4.009.833.140	544.871.655.209
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	43.914.910.125	321.664.388.598	6.964.022.034	2.070.418.216	374.613.738.973
Khấu hao trong kỳ	2.574.315.009	18.507.101.822	272.499.999	280.749.407	21.634.666.237
Số dư cuối kỳ	46.489.225.134	340.171.490.420	7.236.522.033	2.351.167.623	396.248.405.210
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	84.256.875.682	66.184.365.442	982.313.225	1.578.763.691	153.002.318.040
Số dư cuối kỳ	82.437.333.614	63.817.437.642	709.813.226	1.658.665.517	148.623.249.999

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 15.172 triệu VND (1/1/2022: 15.172 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 121.224 triệu VND (1/1/2022: 140.919 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 15).

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	7.609.778.858	2.681.587.595	10.291.366.453
Tăng trong kỳ	1.398.766.000	5.388.991.202	6.787.757.202
Phân bổ trong kỳ	(2.536.722.935)	(1.449.636.900)	(3.986.359.835)
Số dư cuối kỳ	6.471.821.923	6.620.941.897	13.092.763.820

**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	2.673.803.956	1.679.788.349
Công ty Cổ phần Lương thực Hà Nam Ninh	2.189.891.000	784.055.000
Công Ty TNHH Vận Tải Thương Mại Thái Tân	1.987.837.280	12.424.500
Công ty TNHH MDM Hạt	1.486.309.858	-
Công ty TNHH Năng lượng Xanh Phú Thọ	732.677.465	885.632.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xây dựng D&T	227.277.665	1.124.245.379
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập Đoàn Tân Long tại Thành phố Hồ Chí Minh	-	1.058.400.000
Các nhà cung cấp khác	2.291.332.213	2.136.271.581
	11.589.129.437	7.680.816.809

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	2.673.803.956	1.679.788.349
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	30.132.000	30.690.000

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

### 13. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số còn trừ trong kỳ VND	Phân loại sang thuế phải thu VND	30/6/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	6.783.606.005	29.313.403.396	(15.012.067.435)	(12.374.271.128)	-	8.710.670.838
Thuế tiêu thụ đặc biệt	55.063.791.508	138.436.128.434	(161.876.608.310)	-	-	31.623.311.632
Thuế thu nhập doanh nghiệp	724.896.191	35.698.220	(724.896.191)	-	-	35.698.220
Thuế thu nhập cá nhân	43.145.515	942.956.750	(1.048.347.600)	-	62.245.335	-
	62.615.439.219	168.728.186.800	(178.661.919.536)	(12.374.271.128)	62.245.335	40.369.680.690



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhận ký quỹ ngắn hạn	19.045.491.000	7.783.100.000
Cổ tức phải trả	2.474.361.750	7.586.071.750
Phải trả ngắn hạn khác	406.081.074	551.114.314
	21.925.933.824	15.920.286.064
	21.925.933.824	15.920.286.064

**15. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2022	Biến động trong kỳ		30/6/2022
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	-	126.500.000.000	(113.500.000.000)	13.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	7.490.434.790	3.085.153.300	(4.022.000.000)	6.553.588.090
	7.490.434.790	129.585.153.300	(117.522.000.000)	19.553.588.090
	7.490.434.790	129.585.153.300	(117.522.000.000)	19.553.588.090

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh (*)	VND	4,3% - 6,2%	13.000.000.000	-
			13.000.000.000	-

(\*) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (“Vietinbank”) - Chi nhánh Quang Minh có hạn mức tín dụng là 85.000 triệu VND và được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình như được trình bày ở Thuyết minh 15(b).

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Vay dài hạn**

	<b>30/6/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn	13.338.588.090	10.632.278.514
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(6.553.588.090)	(7.490.434.790)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	6.785.000.000	3.141.843.724
	<hr/>	<hr/>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại</b>	<b>Lãi suất</b>	<b>Năm đáo</b>	<b>30/6/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>tiền</b>	<b>năm</b>	<b>hạn</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vietinbank – Chi nhánh		8,3% -			
Quang Minh (*)	VND	9,6%	2022 - 2026	13.338.588.090	10.632.278.514
				<hr/>	<hr/>

(\*) Khoản vay dài hạn này có hạn mức tín dụng là 50.000 triệu VND.

Khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ Vietinbank – Chi nhánh Quang Minh được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 121.224 triệu VND (1/1/2022: 140.919 triệu VND) (Thuyết minh 10).

**16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ được dùng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2022</b>	<b>30/6/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	2.811.595.791	2.459.497.109
Tăng trong quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	3.900.000.000	-
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	2.600.000.000
Sử dụng trong kỳ	(2.740.081.897)	(2.141.078.714)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	3.971.513.894	2.918.418.395
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>	125.000.000.000	23.517.055.477	79.404.829.478	227.921.884.955
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	8.220.731.230	8.220.731.230
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	(2.600.000.000)	(2.600.000.000)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(112.907.600)	(112.907.600)
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	(12.500.000.000)	(12.500.000.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2021</b>	125.000.000.000	23.517.055.477	72.412.653.108	220.929.708.585
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	10.242.262.111	10.242.262.111
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.300.000.000)	(1.300.000.000)
Cổ tức	-	-	(6.250.000.000)	(6.250.000.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022</b>	125.000.000.000	23.517.055.477	75.104.915.219	223.621.970.696
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	202.289.914	202.289.914
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	(3.900.000.000)	(3.900.000.000)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(184.629.933)	(184.629.933)
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	(18.750.000.000)	(18.750.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022</b>	125.000.000.000	23.517.055.477	52.472.575.200	200.989.630.677



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## 18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2022 và 1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	125.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	125.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2021.

## 19. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 26 tháng 3 năm 2022 đã quyết định thông báo chia cổ tức năm 2021 cho cổ đông là 25.000 triệu đồng (tương đương 2.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, trong đó 6.250 triệu đồng đã tạm ứng cho cổ đông trong năm 2021 (giai đoạn 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2021: 12.500 triệu đồng, tương đương 1.000 VND/cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020).

## 20. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	710.130.120	701.789.920
Trong vòng hai đến năm năm	2.840.520.480	2.807.159.680
Sau năm năm	21.265.612.270	21.057.137.747
	24.816.262.870	24.566.087.347

**(b) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>30/6/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	2.178.400.228	11.136.309.773

**22. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2022</b>	<b>30/6/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	153.088.721.857	175.898.123.977
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm</i>		
<i>thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	291.524.850.291	333.357.750.135
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(138.436.128.434)	(157.459.626.158)
▪ Doanh thu khác	1.283.033.349	1.515.258.932
	154.371.755.206	177.413.382.909

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Giá vốn hàng bán**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	145.444.159.503	159.825.787.603
▪ Giá vốn khác	1.445.074.917	987.053.125
	146.889.234.420	160.812.840.728

**24. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Chi phí nhân viên	3.142.786.667	2.538.429.911
Chi phí thiết bị văn phòng	165.676.627	146.382.405
Chi phí khấu hao	461.236.644	868.431.304
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.124.664.811	950.971.827
Chi phí quản lý khác	1.622.631.258	1.507.605.986
	6.516.996.007	6.011.821.433

**25. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	100.235.427.800	111.491.971.484
Chi phí nhân công và nhân viên	8.269.614.838	6.947.974.058
Chi phí khấu hao	21.634.666.237	21.144.253.168
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.901.131.111	10.912.235.564
Chi phí khác	3.611.889.967	4.500.040.891

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**26. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	35.698.220	1.450.717.275

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	237.988.134	9.671.448.505
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	35.698.220	1.450.717.275
	35.698.220	1.450.717.275

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm tính từ năm đầu tiên đi vào hoạt động (2011). Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ 2011 đến 2013) và giảm 50% thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo (từ 2014 đến 2020).

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2021 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>
	<b>30/6/2022</b>	<b>30/6/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>(Điều chỉnh lại)</b>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	202.289.914	8.220.731.230
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(1.950.000.000)
	<hr/>	<hr/>
	202.289.914	6.270.731.230

Công ty không trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 dựa vào ngân sách được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty.

Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được điều chỉnh lại theo số thực trích theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên. Do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được điều chỉnh lại là 502 VND/cổ phiếu theo số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi điều chỉnh (theo báo cáo trước đây: 658 VND/cổ phiếu).

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2021. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 12.500.000 cổ phiếu.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND</b>	<b>30/6/2021 VND</b>
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn</b>		
Bán thành phẩm (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	239.809.027.010	286.205.020.150
Mua nguyên vật liệu	82.207.788.614	86.149.154.032
Cổ tức đã trả	6.757.500.000	5.068.125.000
<b>Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân</b>		
Cổ tức đã trả	1.706.100.000	1.279.575.000
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh</b>		
Mua hàng hóa	241.800.000	235.290.000
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam</b>		
Mua hàng hóa	34.300.000	-
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
<i>Thù lao</i>		
Ông Nguyễn Hoàng Giang – Chủ tịch	72.000.000	36.000.000
Ông Võ Sỹ Dũng – Thành viên	54.000.000	27.000.000
Bà Nguyễn Thu Hương – Thành viên	54.000.000	27.000.000
Ông Bùi Văn Thiêng – Thành viên	54.000.000	27.000.000
Ông Lê Hoài Thanh – Thành viên	54.000.000	27.000.000
<b>Nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
Lương, thưởng và thù lao	693.910.790	460.482.000
<b>Thành viên Ban Kiểm soát</b>		
<i>Thù lao</i>		
Ông Nguyễn Tiến Thọ – Trưởng ban	54.000.000	54.000.000
Bà Nguyễn Thị Hương Giang – Thành viên	32.000.000	16.000.000
Bà Nguyễn Hồ Bảo Ngọc – Thành viên	32.000.000	16.000.000

**29. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư**

	<b>30/6/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	209.357.650	305.067.264

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Thông tin so sánh**

Ngoại trừ việc điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu như được trình bày ở Thuyết minh 27, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022

Người lập:

Trần Bích Thủy  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Văn Thiêng  
Giám đốc



